

Số: 1028.2022/CV-ADG
V/v giải trình kết quả kinh doanh tại
BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2022

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2022

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 kết thúc ngày 30/9/2022, Công ty xin giải trình như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Báo cáo	Quý 3/2022	Quý 3/2021	Tỷ lệ thay đổi
Lợi nhuận sau thuế TNDN	BCTC riêng	1.255.926.870	2.844.946.311	-55,9%
	BCTC hợp nhất	3.826.429.647	7.135.416.408	-46,4%

Nguyên nhân dẫn đến việc suy giảm lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo riêng và Báo cáo hợp nhất của Công ty so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu đến từ việc tăng giá vốn, chi phí tài chính, bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty mẹ và hầu hết các công ty con/công ty liên kết. Trong Quý 3/2022, có sự thay đổi về chính sách thuế và sự bất ổn về chính trị của các nước trên thế giới tiếp tục tác động đến nền kinh tế mà dễ thấy nhất đó là sự tăng phi mã của tỷ giá ngoại tệ đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tài chính của Công ty. Do đó, mặc dù có sự gia tăng về doanh thu tuy nhiên lợi nhuận sau thuế của Quý 3/2022 vẫn giảm so với Quý 3/2021.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý 3/2022 so với Quý 3/2021 của Công ty cổ phần Clever Group. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Khánh Trình

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Tháng 10 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6-7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ báo cáo và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Chủ tịch
Bà Lưu Hoàng Anh	Thành viên
Ông Dur Khắc Châu	Thành viên
Ông Cho Chang Hyun	Thành viên
Ông Phạm Thanh Hải	Thành viên độc lập
Ông Trần Anh Nam	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Bạch Dương	Giám đốc
Bà Đôn Nữ Đức Hiền	Phó Giám đốc
Bà Lưu Hoàng Anh	Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh
Bà Trần Thị Minh Tinh	Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ báo cáo kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bach Dương
Bach Dương
Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP
Tầng 3, Nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Khánh Trinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 10 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		390,987,451,547	371,845,279,358
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17,008,026,662	10,590,235,550
1. Tiền	111		17,008,026,662	10,590,235,550
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	211,830,983,720	225,056,848,747
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		211,830,983,720	225,056,848,747
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147,989,031,287	128,416,004,901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	58,716,492,425	104,434,818,702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	532,968,090	830,967,722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	38,000,000,000	2,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	51,097,200,443	21,507,848,148
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357,629,671)	(357,629,671)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	13,020,703,554	6,854,461,847
1. Hàng tồn kho	141		13,020,703,554	6,854,461,847
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,138,706,324	927,728,313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	140,148,751	803,306,077
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		204,875,971	30,806,409
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	793,681,602	93,615,827
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80,258,794,336	77,755,509,899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50,362,932,656	52,801,738,224
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	2,500,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	50,362,932,656	50,301,738,224
II. Tài sản cố định	220		11,208,231,405	10,105,453,403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	6,936,667,027	5,413,216,095
- Nguyên giá	222		15,883,478,852	14,133,127,001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8,946,811,825)	(8,719,910,905)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	4,271,564,378	4,692,237,308
- Nguyên giá	228		4,780,511,265	4,780,511,265
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(508,946,887)	(88,273,957)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	4,917,774,635	4,917,774,635
- Nguyên giá	231		4,917,774,635	4,917,774,635
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.13	1,451,916,885	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,451,916,885	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	11,813,542,446	8,326,998,893
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11,813,542,446	8,326,998,893
VI. Tài sản dài hạn khác	260		504,396,309	1,603,544,744
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	361,619,234	1,203,768,936
2. Lợi thế thương mại	269	5.14	142,777,075	399,775,808
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		471,246,245,883	449,600,789,258

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		171,982,214,240	180,148,111,892
I. Nợ ngắn hạn	310		171,982,214,240	177,907,103,818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	29,644,034,767	66,412,231,129
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	21,963,884,525	9,913,764,338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	5,724,637,842	14,571,904,256
4. Phải trả người lao động	314		2,195,555,521	2,034,419,678
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	244,013,163	1,046,816,035
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	694,792,926	583,860,231
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	111,515,295,495	83,344,108,151
II. Nợ dài hạn	330		-	2,241,008,074
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.22	-	2,241,008,074
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		299,264,031,644	269,452,677,365
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	299,264,031,644	269,452,677,365
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198,890,980,000	198,890,980,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198,890,980,000	198,890,980,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34,940,000	34,940,000
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1,942,321,591)	586,079,683
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2,210,286,105	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73,943,577,913	58,205,806,097
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48,167,501,412	21,212,287,094
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25,776,076,501	36,993,519,003
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26,126,569,216	11,734,871,585
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		471,246,245,883	449,600,789,258


Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Bách Dương
Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý 3 năm 2022	Quý 3 năm 2021	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	126,423,874,065	115,098,723,244	373,067,991,679	400,746,971,961
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-	-	1,201,476,500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126,423,874,065	115,098,723,244	373,067,991,679	399,545,495,461
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	112,559,039,127	102,934,699,960	320,199,004,595	355,132,186,479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13,864,834,938	12,164,023,284	52,868,987,084	44,413,308,982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6,843,608,679	5,564,690,751	19,072,083,119	18,157,661,934
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2,174,208,679	866,112,533	5,474,849,315	3,061,581,274
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,998,813,758	46,716,117	5,297,111,960	2,869,084,237
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(528,130,974)	-	(1,649,266,447)	49,021,011
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	5,705,210,386	4,121,916,863	17,156,319,347	13,679,366,103
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6,707,525,387	3,785,012,169	17,893,382,841	16,648,379,466
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,593,368,190	8,955,672,470	29,767,252,252	29,230,665,084
12. Thu nhập khác	31	6.8	112,799,410	5,863,581	6,669,300,114	551,725,292
13. Chi phí khác	32	6.8	766,433,731	470,333,661	1,921,539,055	822,298,742
14. Lợi nhuận khác	40		(653,634,321)	(464,470,080)	4,747,761,059	(270,573,450)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,939,733,869	8,491,202,390	34,515,013,311	28,960,091,634
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1,354,771,155	1,355,785,982	5,304,916,984	6,646,211,915
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(241,466,933)		-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,826,429,647	7,135,416,408	29,210,096,327	22,313,879,719

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý 3 năm 2022	Quý 3 năm 2021	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2,849,211,397	6,430,214,500	25,776,076,499	21,755,823,502
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		977,218,249	705,201,908	3,434,019,827	558,056,217
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	-	-	1,296	902
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	-	-	908	816



Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Bạch Dương
Giám đốc
Ngày 28 tháng 10 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ báo cáo tài chính (từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34,515,013,311	28,960,091,634
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,485,815,725	868,067,940
- Các khoản dự phòng	03	-	(251,822,768)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1,225,963,191)	(577,390,269)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,483,247,709)	(18,002,797,678)
- Chi phí lãi vay	06	5,297,111,960	2,835,798,216
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	21,588,730,096	13,831,947,075
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	31,202,597,456	111,066,926,125
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6,166,241,707)	(16,827,676,757)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(41,763,037,545)	(33,861,088,605)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	670,229,684	1,060,659,203
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5,239,410,407)	(2,882,260,887)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10,257,020,900)	(7,701,512,519)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9,964,153,323)	64,686,993,635
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6,192,283,650)	(1,007,407,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2,287,272,727	34,048,470,146
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(670,475,068,748)	(512,395,908,689)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	652,998,482,881	430,906,608,324
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5,585,810,000)	(5,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13,613,163,881	14,585,514,179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13,354,242,909)	(38,862,723,313)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1,565,000,000	948,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	0
2. Tiền thu từ đi vay	33	368,951,989,597	522,359,385,196
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(340,780,802,253)	(543,426,083,658)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8,974,781,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	29,736,187,344	(29,093,479,462)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẢN TRONG KỲ	50	6,417,791,112	(3,269,209,140)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10,590,235,550	20,546,846,347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(36,682,903)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17,008,026,662	17,240,954,305


Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Bach Dương
Giám đốc
Ngày 28 tháng 10 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Clever Group (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Quảng cáo Thông minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 ngày 04 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102850165 thay đổi lần thứ 19 ngày 16 tháng 9 năm 2021.

Hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 như sau:

	Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
	Công ty con				
1	Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2	Công ty Cổ phần Review Thông minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3	Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4	Công ty Cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
5	Công ty Cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6	Công ty Cổ phần Công nghệ Quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hoá doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7	Công ty Cổ phần Trực tuyến CleverX	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8	Công ty Cổ phần Cmetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
9	Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục Lớp học mới	Việt Nam	97,5	97,5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
10	Công ty cổ phần AGlobal	Việt Nam	85	85	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung cấp các giải pháp bán hàng trên các kênh thương mại điện tử B2B xuyên quốc gia
11	CleverAds Philippines Corporation	Philippines	55	55	Dịch vụ quảng cáo
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Mạng Quảng cáo Thông minh (i)	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2	Công ty TNHH ADOP Việt Nam (ii)	Việt Nam	40	40	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3	Công ty cổ phần Techcen	Việt Nam	29	29	Lập trình máy vi tính
4	Công ty TNHH Vkids Việt Nam	Việt Nam	38	38	Xuất bản phần mềm
5	Công ty cổ phần Công nghệ Lazi	Việt Nam	48	48	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

(i) Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh đang tạm dừng hoạt động trong thời gian 01 năm từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/12/2022.

(ii) Công ty TNHH ADOP Vietnam đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở chuyển đổi báo tài chính của công ty con

Công ty PT CleverAds – Công ty con của Công ty sử dụng Rupiah (IDR) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Công ty theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty PT CleverAds cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 được lập bằng Rupiah (IDR) sang Đồng Việt Nam (VND) và Công ty Cleverads Philippines Corporation – Công ty con của Công ty sử dụng Peso (PHP) làm đơn vị tiền tệ kế toán, Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Công ty theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Cleverads Philippines Corporation cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022 được lập bằng Peso (PHP) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và

việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng,

giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách và hoạt động, Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung,

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo và hoạt động trong bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (Do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

4. TIỀN

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tại quỹ	8,122,177,002	417,135,061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8,885,849,660	10,173,100,489
Tổng	17,008,026,662	10,590,235,550

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	211,830,983,720	211,830,983,720	225,056,848,747	225,056,848,747
- Tiền gửi có kỳ hạn	1,536,835,227	1,536,835,227	5,334,087,538	5,334,087,538
- Trái phiếu (i)	200,394,148,493	200,394,148,493	194,122,761,209	194,122,761,209
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory</i>	<i>57,794,148,493</i>	<i>57,794,148,493</i>	<i>14,000,000,000</i>	<i>14,000,000,000</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành Long An</i>	<i>50,000,000,000</i>	<i>50,000,000,000</i>	<i>22,000,000,000</i>	<i>22,000,000,000</i>
<i>Công ty CP Đầu tư và PT thủy điện ĐắkPsi</i>	<i>30,600,000,000</i>	<i>30,600,000,000</i>	<i>5,000,000,000</i>	<i>5,000,000,000</i>
<i>Công ty cổ phần Công nghệ An Phát</i>	<i>600,000,000</i>	<i>600,000,000</i>		
<i>Công ty CP ĐT Năng Lượng Nam Phương</i>	<i>5,000,000,000</i>	<i>5,000,000,000</i>		
<i>CÔNG TY TNHH NO VA THẢO ĐIỀN</i>	<i>20,900,000,000</i>	<i>20,900,000,000</i>		
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land</i>	<i>35,500,000,000</i>	<i>35,500,000,000</i>		
<i>Công ty cổ phần BB Sunrise Power</i>		-	<i>2,450,000,000</i>	<i>2,450,000,000</i>
<i>Công ty cổ phần Bông Sen</i>		-	<i>89,790,000,000</i>	<i>89,790,000,000</i>
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>		-	<i>60,882,761,209</i>	<i>60,882,761,209</i>
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A</i>		-	-	<i>2,450,000,000</i>
- Các khoản đầu tư khác	9,900,000,000	9,900,000,000	25,600,000,000	25,600,000,000
Tổng	211,830,983,720	211,830,983,720	225,056,848,747	225,056,848,747

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn nắm giữ còn lại dưới 12 tháng với lãi suất đầu tư từ 7,7% - 8,2%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được thanh toán cả gốc lẫn lãi tại ngày tất toán khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	30/09/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	1,473,885,018		1,473,885,018	-
Công ty TNHH ADOP Vietnam	2,094,453,539		2,095,618,085	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	3,530,106,546		1,779,118,691	
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	4,267,742,662		2,432,083,863	
Công ty cổ phần TECHCEN	447,354,681		546,293,237	
Tổng	11,813,542,446	-	8,326,998,893	-

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
CleverAds Philippines Corporation	2,569,598,336	6,171,841,545
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	-	149,999,823
Công ty cổ phần Giải trí và Thể thao điện tử Việt Nam	-	1,661,322,604
Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	-	3,898,546,044
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN HIỆP PHÁT	590,976,000	6,407,330,514
CÔNG TY TNHH TI KI	20,882,663,525	57,799,018,658
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP	-	2,183,400,000
Công ty TNHH MERAP TRADING	-	1,229,670,099
Công ty TNHH Nha khoa Kim	1,740,191,117	1,153,494,054
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ HUAWEI VIỆT NAM	202,295,331	728,001,036
Các khách hàng khác	29,659,316,205	23,052,194,325
Tổng	55,645,040,514	104,434,818,702
		<i>Trong đó:</i>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	765,399,365	6,858,733,319

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	38,000,000,000	2,000,000,000
Công ty cổ phần Phát triển Phú Mỹ (i)	-	1,500,000,000
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500,000,000	500,000,000
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TRUSTLINK	35,000,000,000	
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (ii)	2,500,000,000	-
Dài hạn	-	2,500,000,000
Công ty TNHH Dịch vụ KT điện và xúc tiến thương mại (ii)	-	2,500,000,000
Tổng	38,000,000,000	4,500,000,000

Công ty cho công ty Cổ phần công nghệ Pihome vay vốn trong thời gian 24 tháng - lãi suất 10%/năm.

Công ty cho Công ty TNHH dịch vụ Kỹ thuật điện và xúc tiến thương mại vay vốn trong thời gian 24 tháng với lãi suất 9.9%/năm.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	53,142,491,820	21,507,848,148
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	45,993,575,851	18,124,695,084
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	467,822,730	422,548,474
- Lãi dự thu trái phiếu	4,494,586,175	2,685,317,805
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	250,050,685	220,676,027
- Phải thu khác	1,936,456,379	54,610,758
Dài hạn	50,362,932,656	50,301,738,224
- Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	50,210,000,000	50,210,000,000
- Phải thu dài hạn khác	152,932,656	91,738,224
Cộng	50,362,932,656	50,301,738,224

**Các khoản phải thu khác
(Tiếp theo)**

Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/09/2022 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; Chi tiết như sau:

- Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 32.441.097.697 đồng, lãi suất từ 4,8%-6,1%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 8.238.664.285 đồng, lãi suất 4,6 - 4,7%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.

- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thịnh Vượng với tổng giá trị cầm cố là 2.137.212.049 đồng, lãi suất 5.4 -5.5%/năm cho hợp đồng cấp bảo lãnh tại các Ngân hàng thương mại.

- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 736.472.980 đồng.

Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 với giá trị ghi sổ tại 27 tháng 09 năm 2022 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6.725%/năm.

- Trái phiếu mã số CTG208T2/02_119 với giá trị ghi sổ tại 24 tháng 09 năm 2022 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,425%/năm.

- Trái phiếu mã số CTG1727T2/02_2634 với giá trị ghi sổ tại 14 tháng 12 năm 2021 là 10.200.000.000 VND, lãi suất 6,85%/năm.

9. NỢ XẤU

	30/09/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41,454,545	-	41,454,545	-
Công ty TNHH GOGALA	49,745,079	-	49,745,079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53,745,958	-	53,745,958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66,734,809	-	66,734,809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145,949,280	-	145,949,280	-
Tổng	357,629,671	-	357,629,671	-

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ngắn hạn	140,148,751	803,306,077
- Chi phí thuê văn phòng	109,744,929	470,510,685
- Phí sử dụng đường bộ	-	2,877,500
- Công cụ dụng cụ phân bổ	30,403,822	285,117,892
- Chi phí trả trước khác		44,800,000
Dài hạn	361,619,234	1,203,768,936
- Công cụ dụng cụ phân bổ	284,225,071	773,414,971
- Chi phí trả trước dài hạn khác	77,394,163	430,353,965
Cộng	501,767,985	2,007,075,013

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH, VÔ HÌNH, HÀNG TỒN KHO

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	13,606,831,727	336,593,455	189,701,819	14,133,127,001
Mua trong kỳ	4,680,326,000	-	-	4,680,326,000
Tăng khác		651,057,006	-	651,057,006
Thanh lý, nhượng bán	(4,473,960,000)	-	-	(4,473,960,000)
Tại ngày 30/09/2022	13,813,197,727	987,650,461	189,701,819	14,990,550,007
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	8,203,839,342	336,593,455	179,478,108	8,719,910,905
Khấu hao trong kỳ	690,697,868	-	7,881,323	698,579,191
Tăng khác		331,168,046	-	331,168,046
Thanh lý, nhượng bán	(1,979,463,369)	-	-	(1,979,463,369)
Tại ngày 30/09/2022	6,915,073,841	667,761,501	187,359,431	7,770,194,773
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	5,402,992,385	-	10,223,711	5,413,216,096
Tại ngày 30/09/2022	6,898,123,886	319,888,960	2,342,388	7,220,355,234

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/09/2022 là 4.354.845.181 VND (ngày 31/12/2021: 4.354.845.181 VND).

TĂNG, GIẢM HÀNG TỒN KHO

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	30/09/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí SXKD dở dang	13,020,703,554	-	6,854,461,847	-
Cộng	13,020,703,554	-	6,854,461,847	-
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH				
	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	4,380,511,265	400,000,000	-	4,780,511,265
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2022	4,380,511,265	400,000,000	-	4,780,511,265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	-	88,273,957	-	88,273,957
Khấu hao trong kỳ	273,781,956	9,999,996	-	283,781,952
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2022	273,781,956	98,273,953	-	372,055,909
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	4,380,511,265	311,726,043	-	4,692,237,308
Tại ngày 30/09/2022	4,106,729,309	301,726,047	-	4,408,455,356

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ				
NGUYÊN GIÁ	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
Nhà và quyền sử dụng đất	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
TỶ THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
Nhà và quyền sử dụng đất	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản văn phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/09/2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2022	8,264,317,556
Tăng trong kỳ	(6,473,152,649)
Giảm trong kỳ	6,473,152,649
Tại ngày 30/09/2022	8,264,317,556

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2022	7,864,541,748
Khấu hao trong kỳ	171,332,489
Tại ngày 30/09/2022	8,035,874,237

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2022	399,775,808
Tại ngày 30/09/2022	228,443,320

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI	232,307,657	232,307,657	490,412,579	490,412,579
Công ty cổ phần Five Star Kim Giang	433,648,476	433,648,476	325,165,980	325,165,980
Công ty Meta Platforms Ireland Limited	12,944,537,119	12,944,537,119	17,117,208,494	17,117,208,494
Công ty Google Asia Pacific Pte. Ltd	15,115,123,345	15,115,123,345	45,921,399,951	45,921,399,951
Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	918,418,170	918,418,170	2,558,044,125	2,558,044,125
Tổng	29,644,034,767	29,644,034,767	66,412,231,129	66,412,231,129

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	598,221,027	598,221,027	515,000,000	515,000,000
Công ty CP BERJAYA - Bờ Biển Dài	-	-	569,885,800	569,885,800
Trường Đại học Gia Định	50,000,000	50,000,000	400,000,000	400,000,000
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN HÌNH TƯƠNG TÁC VIỆT NAM	-	-	476,176,000	476,176,000
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE	1,226,408,227	1,226,408,227	244,420,000	244,420,000
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEEY LAND	1,668,236,719	1,668,236,719	333,058,566	333,058,566
Công ty TNHH BEYOND SUPREME 168	750,558,026	750,558,026	344,706,976	344,706,976
Công ty TNHH US BEAUTY	-	-	363,000,000	363,000,000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	150,000,000	150,000,000	192,752,660	192,752,660
CÔNG TY TNHH LOCAL FOOD TRADE	306,000,000	306,000,000	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ EMALL	580,190,000	580,190,000	169,750,000	169,750,000
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG PHÚC THANH	436,867,200	436,867,200	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN HESMAN VIỆT NAM	751,619,306	751,619,306	-	-
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	-	-	82,162,193	82,162,193
TIKTOK	1,262,962,500	1,262,962,500	-	-
Các khách hàng khác	14,182,821,520	14,182,821,520	6,222,852,143	6,222,852,143
Tổng	21,963,884,525	21,963,884,525	9,913,764,338	9,913,764,338

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	30/09/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	5,902,352,145	48,201,828,040	(50,686,725,680)	3,417,454,505
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,298,686,023	5,347,226,520	(10,151,671,371)	1,494,241,172
Thuế thu nhập cá nhân	602,948,419	1,757,002,862	(1,631,218,476)	728,732,805
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1,767,917,669	11,497,483,570	(13,181,191,879)	84,209,360
Tổng	14,571,904,256	66,803,540,992	(75,650,807,406)	5,724,637,842

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	348,490,988	348,490,988	256,782,988	256,782,988
Bảo hiểm xã hội	-	-	1,691,743	1,691,743
Các khoản phải trả khác	346,301,938	346,301,938	325,385,500	325,385,500
Tổng	694,792,926	694,792,926	583,860,231	583,860,231

18. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	2,241,008,074
Tổng	0	2,241,008,074

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2022 (VND)		Trong kỳ		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	107,131,667,833	107,131,667,833	300,249,924,012	(272,466,698,989)	79,348,442,810	79,348,442,810
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	107,131,667,833	107,131,667,833	300,249,924,012	(272,466,698,989)	79,348,442,810	79,348,442,810
Dư nợ tín dụng	4,383,627,662	4,383,627,662	73,976,738,712	(73,588,776,391)	3,995,665,341	3,995,665,341
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	3,347,199,638	3,347,199,638	68,689,665,083	(68,835,953,524)	3,493,488,079	3,493,488,079
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	1,036,428,024	1,036,428,024	5,287,073,629	(4,752,822,867)	502,177,262	502,177,262
Tổng	111,515,295,495	111,515,295,495	374,226,662,724	(346,055,475,380)	83,344,108,151	83,344,108,151

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 001/2021/HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 01/11/2021 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 01/11/2022. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 4% / năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

+ Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/09/2022 lần lượt là 5.010.000.000 VND, 10.200.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 và số 010/2020/HĐBĐVNHT140 - CLEVERGROUP ngày 17/11/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).

+ Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 32.441.097.697 VND (Thuyết minh số 5.6)

+ Tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba do ông Nguyễn Khánh Trình là chủ sở hữu.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2021-HĐCVTL/NHCT140-CLEVER ký ngày 25/06/2022 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5,6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam mã số CTG2028T2 /02-119 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 30/09/2022 là 35.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 8.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 30/09/2022 là 8.238.664.285 VND (Thuyết minh số 5.6).

Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3%/tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/09/2022 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn khác	Tổng
Số dư đầu năm trước	180,003,330,000	34,940,000	10,711,208,549	840,620,701	48,597,679,443		240,187,778,693
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	888,000,000						888,000,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	17,999,650,000				(17,999,650,000)		
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	(671,448,778)	-	-	-	(671,448,778)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	1,695,111,814	-	36,970,669,636		38,665,781,450
Giảm khác	-	-	-	-	(362,726,482)		(362,726,482)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(9,000,166,500)		(9,000,166,500)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(254,541,018)	-	-	(254,541,018)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	198,890,980,000	34,940,000	11,734,871,585	586,079,683	58,205,806,097	-	269,452,677,365
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	3,434,019,827	-	25,776,076,499		29,210,096,327

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tăng/(giảm) do đầu tư vào công ty con	-	-	10,957,677,804	-	(10,038,304,683)	919,373,121
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lỗi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(2,528,401,274)	-	-	(2,528,401,274)
Giảm khác	-	-	-	-	2,210,286,105	2,210,286,105
Số dư cuối kỳ này	198,890,980,000	34,940,000	26,126,569,216	(1,942,321,591)	73,943,577,913	299,264,031,643

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 198.890.980.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: là 198.890.980.000 VND).
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	30/09/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trình	55,154,280,000	53,154,280,000
Ông Dư Khắc Châu	1,784,350,000	1,784,350,000
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	79,639,470,000	79,639,470,000
Các cổ đông khác	62,312,880,000	64,312,880,000
Tổng	198,890,980,000	198,890,980,000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	198,890,980,000	198,890,980,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	198,890,980,000	198,890,980,000
Cổ tức:		

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ.ADG ngày 25/06/2022, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau: Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7,5% tương đương với giá trị 15.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

	30/09/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,889,098	19,889,098
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,889,098	19,889,098
Cổ phiếu phổ thông	19,889,098	19,889,098
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,889,098	19,889,098
Cổ phiếu phổ thông	19,889,098	19,889,098

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Chi phí thuê hoạt động

	30/09/2022	01/01/2022
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2,571,589,052	3,066,345,296
Trên 01 năm đến 05 năm	3,190,761,453	4,976,111,159
Tổng	5,762,350,505	8,042,456,455
Ngoại tệ các loại	30/09/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	78,412.99	66,869.86

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, các ngành nghề kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty và các công ty con. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính nói trên.

Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022

<i>Chỉ tiêu</i>	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	373,067,991,679	-	-	373,067,991,679
Tổng doanh thu thuần	373,067,991,679	-	-	373,067,991,679
Chi phí kinh doanh	355,248,706,783	-	-	355,248,706,783
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	320,199,004,595	-	-	320,199,004,595
- Chi phí bán hàng	17,156,319,347	-	-	17,156,319,347
- Chi phí QLDN	17,893,382,841	-	-	17,893,382,841
Kết quả HĐKD	17,819,284,895	-	-	17,819,284,895
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	11,947,967,357	11,947,967,357
- Lợi nhuận khác	-	-	4,747,761,059	4,747,761,060
- LN/(lỗ) trước thuế	17,819,284,895	-	16,695,728,416	34,515,013,311
Chỉ tiêu	KD quảng cáo	Bán BĐS đầu tư	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,008,026,662	-	-	17,008,026,662
Các khoản đầu tư tài chính	11,813,542,446	-	211,830,983,720	223,644,526,166
Các khoản phải thu	198,351,963,943	-	-	198,351,963,943
Hàng tồn kho	13,020,703,554	-	-	13,020,703,554
Tài sản khác	2,952,242,443	-	-	2,952,242,443
Tài sản cố định	11,208,231,405	-	-	11,208,231,405
Bất động sản đầu tư	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
Lợi thế thương mại	142,777,075	-	-	142,777,075
Tổng tài sản	259,415,262,163	-	211,830,983,720	471,246,245,883

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	171,982,214,240	-	-	171,982,214,240
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	171,982,214,240	-	-	171,982,214,240

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, hoạt động này diễn ra tại Việt Nam. Trong kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022, Công ty không có doanh thu tại các nước khác ngoài Việt Nam chiếm tỷ trọng trên 10%, theo đó Công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,642,327,735	1,371,538,496
Chi phí nhân công	34,689,486,277	24,963,963,402
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1,555,397,653	3,957,594,925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312,070,365,366	354,771,556,139
Chi phí khác bằng tiền	3,291,129,753	395,279,086
Tổng	355,248,706,783	385,459,932,048

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	18,690,471,613	16,000,768,752
Lãi chênh lệch tỷ giá Doanh thu hoạt động tài chính khác	381,611,506	2,009,268,278
	-	147,624,904
Tổng	19,072,083,119	18,157,661,934

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	8,671,959,683	6,412,657,433
Chi phí đồ dùng văn phòng	3,642,327,735	1,371,538,496
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1,555,397,653	973,637,819
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Thuế, phí và lệ phí	336,450,199	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,880,229,930	7,502,479,596
Chi phí khác bằng tiền	1,807,017,642	388,066,122
Tổng	17,893,382,841	16,648,379,466
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	13,090,564,310	11,981,272,834
Chi phí vật liệu bao bì		-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,581,642,926	1,690,880,305
Chi phí khác bằng tiền	1,484,112,111	7,212,964
Tổng	17,156,319,347	13,679,366,103

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5,118,967,228	6,394,343,505
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	185,949,756	251,868,410
Tổng	5,304,916,984	6,646,211,915

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,776,076,499	21,755,823,502
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25,776,076,499	21,755,823,502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19,889,098	19,889,098
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1,296	1,094
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,776,076,499	21,755,823,502
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25,776,076,499	21,755,823,502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19,889,098	19,889,098
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (cổ phiếu) (i)	8,500,000	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	908	1,094

Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung trong năm 2022 bao gồm

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 25/06/2022, Công ty có kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức là 1.500.000 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/CP; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 15.000.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn là 7.000.000 cổ phiếu; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 70.000.000.000 đồng.

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 520 m² văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2020.
- Tổng số tiền thuê 407,5 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m²/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 04 tháng 5 năm 2020.
- Tổng số tiền thuê 80,24 m² văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132-136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.600 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký gia hạn với thời hạn 2 năm tính từ ngày 23 tháng 5 năm 2022.
- Tổng số tiền thuê 108 m² văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.952.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 16 tháng 7 năm 2020.

Cam kết vốn

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tổng mức đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Bán hàng				
Công ty CleverAds Philippines (*)	Công ty con Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	-	2,271,286,955
Công ty cổ phần JobsGO	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2,418,863,285	1,122,445,399
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2,731,661,291	-
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	294,360,457	-
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1,665,706,562	-
Tổng			2,418,863,285	3,393,732,354

(*): Công ty CleverAds Philippines trở thành công ty con của Công ty từ ngày 22/4/2022.

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/09/2022 VND	01/01/2022 VND
Cho vay			
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	-
			19,350,000,000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền cho vay	-
			16,000,000,000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	-
			557,089,000
Phải thu khách hàng			
Công ty CleverAds Philippines (*)	Công ty con Cùng thành viên quản lý chủ chốt		
		765,399,365	6,858,733,319
Công ty cổ phần JobsGO	Công ty liên kết		
		-	6,171,841,545
Công ty cổ phần TECHCEN	Công ty liên kết	266,869,540	202,204,962
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	504,930	2,258,443
Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	Công ty liên kết	345,744	-
		497,679,151	482,428,369
Khách hàng trả tiền trước			
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	-	82,162,193
		-	82,162,193

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

(*): Công ty Clever Ads Philippines trở thành công ty con của Công ty từ ngày 22/4/2022.

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ báo cáo như sau:

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2022 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND
Tiền lương và phụ cấp	2,158,255,530	1,455,295,335
Tổng	<u>2,158,255,530</u>	<u>1,455,295,335</u>

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Theo Nghị quyết HĐQT số 14/2022/NQ-HĐQT.ADG ngày 12/9/2022 và số 15/2022/NQ-HĐQT.ADG ngày 11/10/2022 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, Công ty dự kiến phát hành 1.500.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu; tổng giá trị phát hành dự kiến: 15.000.000.000 đồng. Thời gian phát hành: Trước khi thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và sau khi được UBCKNN chấp thuận, dự kiến Quý IV/2022.

31. THÔNG TIN KHÁC

Dịch bệnh COVID-19 kéo dài đợt đầu năm 2022 đã gây ra ảnh hưởng trên diện rộng, tạo ra nhiều thách thức cho các ngành công nghiệp cũng như xã hội. Bên cạnh đó, tình hình chính trị bất ổn của các nước Châu Âu cũng đã kéo theo hệ lụy kinh tế trên toàn thế giới, điều này đã tác động không nhỏ tới hoạt động tài chính của công ty. Công ty đã đánh giá tác động tổng thể của tình hình dịch bệnh và tình hình tài chính thế giới đối với hoạt động Công ty và thực hiện tất cả các biện pháp có thể để hạn chế tác động tiêu cực đối với hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Công ty đang liên tục theo dõi tình hình để có thể ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.

Nguyễn Thị Hồi
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Bạch Dương
Giám đốc

Ngày 28 tháng 10 năm 2022